

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2007/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**về việc cho vay vốn phát triển sản xuất  
đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày  
25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm  
Ủy ban Dân tộc,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thực hiện việc cho vay vốn đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn để phát triển sản xuất, ổn định đời sống, sớm vượt qua đói nghèo.

**1. Đối tượng được vay vốn**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số (kể cả các hộ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) sống ở các xã (xã, phường, thị trấn) thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính

phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, có đủ 3 tiêu chí:

a) Có mức thu nhập bình quân đầu người dưới 60.000 đồng/tháng;

b) Tổng giá trị tài sản của hộ không quá 3 triệu đồng (không tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị các lán trại trên nương rẫy, nhà ở được Nhà nước và các tổ chức hỗ trợ);

c) Có phương hướng sản xuất nhưng thiếu hoặc không có vốn sản xuất.

**2. Nguyên tắc cho vay vốn**

a) Việc xem xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được thực hiện trên cơ sở bình xét công khai, dân chủ, đúng đối tượng ở cơ sở và được lập danh sách theo từng xã; hàng năm danh

09674216

sách này được rà soát để bổ sung và đưa ra khỏi danh sách những hộ không còn thuộc đối tượng;

b) Việc cho vay phải dựa trên các phương án sản xuất và cam kết cụ thể của từng hộ hoặc nhóm hộ gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn của chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; ưu tiên những hộ khó khăn hơn được vay vốn trước;

c) Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc cho vay và có thể ủy thác từng phần cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong việc cho vay vốn và thu hồi nợ.

3. Thời gian thực hiện giai đoạn I từ năm 2007 đến năm 2010. Năm 2010 thực hiện việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh, bổ sung chính sách cho phù hợp với các giai đoạn tiếp theo.

## **Điều 2. Nội dung chính sách cho vay**

### **1. Điều kiện được vay vốn**

a) Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này, có nơi cư trú hợp pháp, có trong danh sách do Ủy ban nhân dân xã lập và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt;

b) Có phương án sử dụng vốn vay vào

sản xuất kinh doanh được chính quyền cùng các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, bản xác nhận hoặc hỗ trợ gia đình lập.

### **2. Hình thức và mức vay vốn**

a) Có thể vay một lần hoặc nhiều lần;

b) Tổng mức vay các lần không quá 5 triệu đồng/hộ; không phải dùng tài sản bảo đảm và được miễn lệ phí làm thủ tục hành chính trong việc vay vốn.

Trường hợp các hộ có nhu cầu vay vốn ngoài mức quy định trên, thì áp dụng chính sách cho vay hộ nghèo quy định tại Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

3. Thời hạn cho vay căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của hộ vay vốn và do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định. Trường hợp đến hạn trả nợ, nhưng hộ vay vẫn thuộc diện hộ đặc biệt khó khăn và có nhu cầu tiếp tục sử dụng vốn vay thì Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho gia hạn nợ.

4. Lãi suất cho vay bằng 0%.

5. Xử lý rủi ro

Đối với các hộ gặp rủi ro do thiên tai,

hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc các khó khăn bất khả kháng khác không trả được nợ, Ủy ban nhân dân xã lập Biên bản xác nhận gửi Ngân hàng Chính sách xã hội huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để gửi Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xóa nợ.

### **Điều 3. Về nguồn vốn**

1. Đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách: ngân sách trung ương cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện việc cho vay theo Quyết định này.

2. Đối với các địa phương tự cân đối được ngân sách: kinh phí thực hiện được tính vào ngân sách địa phương. Hàng năm Ủy ban nhân dân các cấp bố trí khoản kinh phí này trong dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân phê duyệt và chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện việc cho vay vốn.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì hàng năm rà soát, bổ sung, xây dựng kế hoạch nhu cầu vốn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; riêng năm 2007, giao hai Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính tìm nguồn vốn đề xuất với Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách vay vốn và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ hàng năm.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Trách nhiệm:

- Hướng dẫn quy trình và thủ tục cho vay bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện; thực hiện cho vay vốn, thu hồi nợ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân các cấp xử lý rủi ro.

- Lập kế hoạch tiến độ giải ngân gửi Bộ Tài chính (đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc để phối hợp).

- Định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện với Thủ tướng Chính phủ (đồng gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính).

b) Quyền lợi: được cấp bù chi phí quản lý bằng 0,3% dư nợ bình quân hàng năm.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ủy ban Dân tộc xây dựng kế hoạch vốn, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Tài chính có trách nhiệm: cấp vốn và chi phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo tiến độ thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện cho vay và thu hồi nợ tại địa phương, cụ thể:

a) Cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn sát hợp với tình hình của địa phương (nếu cần thiết);

b) Chỉ đạo lồng ghép nguồn vốn thực hiện các chính sách khác trên địa bàn (Chương trình 134, Chương trình 135, chính sách trợ giá trợ cước, khuyến nông, khuyến lâm...) nhằm tăng hiệu quả việc sử dụng vốn vay và hạn chế rủi ro;

c) Phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị (Sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể...) của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc tổ chức hướng dẫn cho các hộ vay vốn cách làm ăn, cách sử dụng vốn vay có hiệu quả và trả được nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội; cơ quan công tác dân tộc tại địa phương là

cơ quan thường trực, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện chính sách vay vốn này;

d) Ra Quyết định xóa nợ theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình;

đ) Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện việc cho vay và sử dụng vốn tại địa phương và báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã và hỗ trợ Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức thực hiện việc cho vay và thu hồi nợ;

b) Phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng và diện được vay hàng năm của từng xã để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Thẩm định báo cáo tình hình rủi ro trong sử dụng vốn vay của các xã gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử lý;

d) Định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm:

a) Phổ biến rộng rãi đến toàn dân các

văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện việc cho vay vốn đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn; tổ chức bình xét công khai, xếp loại ưu tiên, lập danh sách đối tượng thụ hưởng hàng năm gửi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và phân công tổ chức, cá nhân trực tiếp giúp đỡ, hướng dẫn hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn cách làm ăn, xóa đói giảm nghèo gửi Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt;

b) Hỗ trợ Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc giải ngân; thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc và hỗ trợ các hộ trong quá trình sử dụng vốn và hoàn trả vốn vay;

c) Chỉ đạo Ban Chỉ đạo Chương trình xóa đói, giảm nghèo cấp xã phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc bình xét hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn bảo đảm dân chủ, công khai, xác nhận danh sách hộ vay vốn; phối hợp với tổ chức cho vay, tổ tiết kiệm và vay vốn kiểm tra việc sử dụng vốn vay và đôn đốc thu hồi nợ;

d) Định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân huyện.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 166/2001/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi về ban hành Quy định tiêu chí hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 912/2001/TTLT-UBND-TMN-BTC-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2001 của liên tịch Ủy ban Dân tộc và Miền núi - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện chính sách Hỗ trợ hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

**Điều 6.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng